

Bản án số: 823/2020/HS-PT
Ngày 25 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 507/2020/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Trương Thị L;

Do có kháng cáo của các bị hại và đại diện bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 774/2020/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Trương Thị L; sinh năm 1958, tại thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ (nhà này đã phá dỡ). Nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn T (chết) và bà: Phan Thị Ph; có chồng: Nguyễn Hoàng D và 2 con: Lớn sinh năm 1979 - nhỏ sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2020 (Bị cáo có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị L: Luật sư Vũ Tô Qu - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt)

- Người bị hại có kháng cáo:

1. Bùi Thị N (Năm L), sinh năm 1951 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Lê Kim Th, sinh năm 1951 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

3. Trương Thị D (Sáu M), sinh năm 1959 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 112 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

4. Nguyễn Thị Cẩm V (Bảy H), sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th 1, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

5. Nguyễn Thị Ch (Bảy N), sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

6. Nguyễn Thị Khánh Ng, sinh năm 1966 (có mặt).

Nơi cư trú: 175 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

7. Nguyễn Thu B (Ba Cà Đ), sinh năm 1952 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

8. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: 219 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

9. Phạm Minh T, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: 099 ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

10. Nguyễn Hồng L (Nguyễn Thị D), sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: 226 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

11. Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1950 (có mặt).

Nơi cư trú: 110 ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

12. Trương Thị A, sinh năm 1949 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

13. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: 176 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

14. Nguyễn Kim D, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

15. Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm 1968 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

Nguyễn Thu B, sinh năm 1952 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

16. Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1950 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 857 ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

17. Võ Thị H, sinh năm 1959 (có mặt).

Nơi cư trú: 230 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

18. Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

19. Đặng Thị Huệ E, sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: 378 ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

20. Hứa K, sinh năm 1962 (có mặt).

Nơi cư trú: 209 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

21. Võ Thị Ngọc K, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

22. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th 1, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

23. Nguyễn Thị B Ph, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường N, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

24. Lý Thị Ngọc Tr, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: 149 ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

25. Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 241 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

26. Nguyễn Thị B, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

27. Thị H, sinh năm 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: 175 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

28. Nguyễn Thị X, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: A23 ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

29. Nguyễn Thị Hồng A (Đào), sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

Lê Kim Th, sinh năm 1951 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

- Người bị hại không có kháng cáo:

1. Võ Thị Ph (Sáu Ng), sinh năm 1970.

Nơi cư trú: 205 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

2. Nguyễn Thị S, sinh năm 194.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Kim D, sinh năm 1970.

3. Huỳnh Văn R (Bảy R), sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

4. Nguyễn Thị Ng (Ba Ng), sinh năm 1955.

Nơi cư trú: 235 ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

5. Trương Thị Thu Ng (Bé B, dì B1), sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

6. Nguyễn Thị B Ch, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: 113 ấp Nhơn Ph A, xã Nhơn Ng, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

7. Nguyễn Thị H (dì B2), sinh năm 1939.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

8. Trần Ngọc Th, sinh năm 1975.

Nơi cư trú:

- Ấp Trường H, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

- Ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

9. Nguyễn Thị B, sinh năm 197.

Nơi cư trú: 242 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

10. Phạm Thị Th, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: 205 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

11. Phan Thị Mỹ Ch (Mười T), sinh năm 1962.

Nơi cư trú: 166 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

12. Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

13. Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền:

Nguyễn Thị Bích Ch, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: 113 ấp Nhơn Ph A, xã Nhơn Ng, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

14. Trương Thị Tr, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

15. Bùi Cẩm N, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Nh, xã Mỹ K, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

16. Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: 24C ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

17. Nguyễn Hoàng Qu, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

18. Phạm Thị H, sinh năm 1946.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

19. Nguyễn Thị Kim L (Thuận), sinh năm 1975.

Nơi cư trú: 243 ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

20. Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp Trường Th 2, xã Trường L, huyện Phong Đ, Thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: 215 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: 323 ấp Mỹ Nh, xã Mỹ K, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

3. Trần Thị Tố Ng, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: 243 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

4. Đặng Thị Bạch H, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Ấp Trường Th, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

5. Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

6. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

7. Dương Bích L, sinh năm 1953;

Nơi cư trú: 79 ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

8. Phan Vũ H, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

9. Tô Thị Th, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Ấp Trường Th A, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

10. Võ Thị Mai H, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ.

(Trong vụ án có những người bị hại khác; người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị L bắt đầu làm chủ hội từ năm 2006 và được các hội viên tin tưởng. L được hưởng hoa hồng bằng 50% giá trị một phần hội. Đến năm 2017, lợi dụng khi các hội viên không đến, mặc dù không có tham gia các dây hội nhưng L đã tự bỏ thăm, rồi hốt luôn, không giao lại cho các hội viên. Ngày 25-5-2019 âm lịch, L bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 20-8-2019, Công an huyện Phong Đ đã ra thông báo truy tìm. Ngày 21-8-2019, phát hiện L tại xã Định A, huyện Gò Qu, tỉnh Kiên Giang, nên đã dẫn giải về. Kết quả điều tra đã xác định được cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Mở ngày 20-6-2017 âm lịch. Có 22 người tham gia, với 27 phần. Mỗi phần hội là 300.000đ. Đã hốt hội 24 lần. Trong đó, L đã tự hốt 13 lần, chiếm đoạt 37.920.000đ.

Dây thứ 2: Mở ngày 20-6-2017 âm lịch. Có 20 người tham gia, với 26 phần. Mỗi phần hội là 300.000đ. Đã hốt hội 24 lần. Trong đó, L đã tự hốt 13 lần, chiếm đoạt 69.200.000đ.

Dây thứ 3: Mở ngày 20-6-2017 âm lịch. Có 18 người tham gia, với 24 phần. Mỗi phần hội là 300.000đ. Đã hốt hội 24 lần. Trong đó, L đã tự hốt 12 lần, chiếm đoạt 29.380.000đ.

Dây thứ 4: Mở ngày 20-6-2017 âm lịch. Có 18 người tham gia, với 26 phần. Mỗi phần hội là 300.000đ. Đã hốt hội 24 lần. Trong đó, L đã tự hốt 12 lần, chiếm đoạt 27.610.000đ.

Dây thứ 5: Mở ngày 20-6-2017 âm lịch. Có 18 người tham gia, với 25 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 24 lần. Trong đó, L đã tự hót 13 lần, chiếm đoạt 35.520.000đ.

Dây thứ 6: Mở ngày 5-9-2017 âm lịch. Có 14 người tham gia, với 21 phần. Mỗi phần hui là 1.000.000đ. Đã hót hui 21 lần. Trong đó, L đã tự hót 2 lần, chiếm đoạt 1.350.000đ.

Dây thứ 7: Mở ngày 15-11-2017 âm lịch. Có 15 người tham gia, với 19 phần. Mỗi phần hui là 500.000đ. Đã hót hui 19 lần. Trong đó, L đã tự hót 2 lần, chiếm đoạt 1.480.000đ.

Dây thứ 8: Mở ngày 10-7-2017 âm lịch. Có 21 người tham gia, với 29 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 23 lần. Trong đó, L đã tự hót 14 lần, chiếm đoạt 50.350.000đ.

Dây thứ 9: Mở ngày 05-01-2018 âm lịch. Có 18 người tham gia, với 24 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 17 lần. Trong đó, L đã tự hót 14 lần, chiếm đoạt 63.210.000đ.

Dây thứ 10: Mở ngày 05-01-2018 âm lịch. Có 18 người tham gia, với 24 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 17 lần. Trong đó, L đã tự hót 14 lần, chiếm đoạt 64.470.000đ.

Dây thứ 11: Mở ngày 05-01-2018 âm lịch. Có 16 người tham gia, với 23 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 17 lần. Trong đó, L đã tự hót 15 lần, chiếm đoạt 63.400.000đ.

Dây thứ 12: Mở ngày 05-01-2018 âm lịch. Có 15 người tham gia, với 23 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 17 lần. Trong đó, L đã tự hót 10 lần, chiếm đoạt 31.840.000đ.

Dây thứ 13: Mở ngày 05-01-2018 âm lịch. Có 17 người tham gia, với 25 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 17 lần. Trong đó, L đã tự hót 14 lần, chiếm đoạt 58.000.000đ.

Dây thứ 14: Mở ngày 15-7-2018 âm lịch. Có 15 người tham gia, với 21 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 11 lần. Trong đó, L đã tự hót 8 lần, chiếm đoạt 33.120.000đ.

Dây thứ 15: Mở ngày 15-7-2018 âm lịch. Có 15 người tham gia, với 21 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 11 lần. Trong đó, L đã tự hót 11 lần, chiếm đoạt 51.200.000đ.

Dây thứ 16: Mở ngày 15-7-2018 âm lịch. Có 16 người tham gia, với 21 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 11 lần. Trong đó, L đã tự hót 7 lần, chiếm đoạt 18.480.000đ.

Dây thứ 17: Mở ngày 25-8-2018 âm lịch. Có 16 người tham gia, với 26 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hót hui 9 lần. Trong đó, L đã tự hót 4 lần, chiếm đoạt 16.530.000đ.

Dây thứ 18: Mở ngày 25-8-2018 âm lịch. Có 16 người tham gia, với 25

phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hốt hui 9 lần. Trong đó, L đã tự hốt 9 lần, chiếm đoạt 53.750.000đ.

Dây thứ 19: Mở ngày 25-11-2018 âm lịch. Có 13 người tham gia, với 21 phần. Mỗi phần hui là 500.000đ. Đã hốt hui 6 lần. Trong đó, L đã tự hốt 4 lần, chiếm đoạt 27.000.000đ.

Dây thứ 20: Mở ngày 10-3-2018 âm lịch. Có 13 người tham gia, với 23 phần. Mỗi phần hui là 1.000.000đ. Đã hốt hui 15 lần. Trong đó, L đã tự hốt 14 lần, chiếm đoạt 241.780.000đ.

Dây thứ 21: Mở ngày 20-4-2018 âm lịch. Có 16 người tham gia, với 28 phần. Mỗi phần hui là 1.000.000đ. Đã hốt hui 14 lần. Trong đó, L đã tự hốt 10 lần, chiếm đoạt 164.790.000đ.

Dây thứ 22: Mở ngày 30-02-2019 âm lịch. Có 12 người tham gia, với 23 phần. Mỗi phần hui là 300.000đ. Đã hốt hui 3 lần. Trong đó, L đã tự hốt 2 lần, chiếm đoạt 9.660.000đ.

Dây thứ 23: Mở ngày 30-2-2019 âm lịch. Có 10 người tham gia, với 15 phần. Mỗi phần hui là 1.000.000đ. Đã hốt hui 3 lần. Trong đó, L đã tự hốt 3 lần, chiếm đoạt 28.580.000đ.

Có 6 người không yêu cầu Cơ quan điều tra giải quyết. Có 4 hui viên chưa làm việc được. Còn lại 49 người yêu cầu bồi thường thiệt hại và xử lý theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Văn R tự thỏa thuận: Chỉ yêu cầu L thanh toán lại 6.000.000đ trong tổng số 9.840.000đ (gồm 4.640.000đ tiền chiếm đoạt và 5.200.000đ tiền đã đóng hui nhưng chưa được hốt).

Tổng số tiền chiếm đoạt là 1.176.430.000đ.

Ngoài số tiền nói trên, bị cáo còn phải hoàn trả cho các hui viên số tiền đã đóng, nhưng chưa hốt là 417.870.000đ.

Có 12 hui viên đã hốt hui, nhưng chưa đóng “hui chết” cho bị cáo với tổng số tiền là 81.460.000đ. Các hui viên Đỗ Thị E và Nguyễn Văn B đã thỏa thuận cân trừ nợ hui với Lê Kim Th.

Nguyễn Thị Thúy K (con của L) đã nộp 30.000.000đ tại Cơ quan điều tra và đã trả cho Nguyễn Thị Nh, Bùi Cẩm N, Trương Thị Thu Ng, Phạm Thị H, Nguyễn Thị H và Trương Thị Tr, tổng cộng là 36.590.000đ. L và gia đình giao quyền sử dụng diện tích 2.192 m² đất tại ấp Trường Th B, xã Trường L, huyện Phong Đ, thành phố Cần Thơ để phát mãi, bồi thường thiệt hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2020/HS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trương Thị L 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 - 3-2020.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 56.292.000đ án phí dân sự sơ thẩm”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, phong tỏa tài sản đảm bảo cho việc thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, bị cáo Trương Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, bị cáo Trương Thị L có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, các bị hại gồm bà Bùi Thị N, bà Lê Kim Th, bà Trương Thị D, bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Khánh Ng, bà Nguyễn Thu B, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Ng, bà Trương Thị A, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Kim D, bà Đỗ Thị Tuyết L, bà Trần Thị Ngọc H, bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Đặng Thị Huệ E, bà Hứa K, bà Võ Thị Ngọc K, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị B Ph, bà Lý Thị Ngọc Tr, bà Lê Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Thị H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Hồng A và người đại diện theo ủy quyền của những người bị hại ông Trần Chấn H kháng cáo yêu cầu bị cáo Trương Thị L phải trả tăng số tiền đã chiếm đoạt và yêu cầu xét xử tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trương Thị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Do đại diện theo ủy quyền của các bị hại rút một phần kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần rút kháng cáo của các bị hại; Về mức hình phạt: Tòa cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng khung hình phạt, với mức án 12 năm tù giam là đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và cũng đủ mức răn đe, nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị hại và người đại diện theo ủy quyền của các bị hại về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Trương Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về phần dân sự.

Đại diện ủy quyền của người bị hại và những người bị hại trình bày: Thống nhất rút kháng cáo về phần dân sự. Về hình phạt thì Tòa án cấp sơ thẩm tuyên 12 năm tù đối với bị cáo Trương Thị L chưa nghiêm, chưa đúng tính chất mức độ nghiêm trọng thiệt hại cho các bị hại. Ngoài ra, bị cáo L không có ý thức tự nguyện khắc phục hậu quả cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng mức hình phạt đối với bị cáo L và miễn án phí cho các bị hại.

Luật sư Vũ Tố Qu trình bày: Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo. Hiện nay bị cáo bị bệnh, tuổi đã già. Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thị L trình bày: Thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nêu. Do việc không trả nợ nên bị cáo bị những người trong dây hui đòi ráo riết nên bị cáo mới bỏ nhà đi nơi khác lánh mặt để tránh việc bị đòi nợ. Bị cáo rất ân hận việc làm của mình. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của bị cáo miễn án phí cho bị cáo và không tăng hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo, những người bị hại và đại diện theo ủy quyền của những người bị hại thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[1.3] Bị cáo Trương Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, sau đó bị cáo L đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo L.

[1.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của những người bị hại có ý kiến rút kháng cáo về phần dân sự, các bị hại tham gia phiên tòa cũng đều thống nhất rút kháng cáo về phần dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Thị L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định: Trương Thị L bắt đầu làm chủ hui từ năm 2006. Mỗi lần khai hui thì bị cáo L được hưởng hoa hồng bằng 50% giá trị một phần hui. Do được các hui viên tin tưởng nên từ năm 2017, mỗi khi đến kỳ hót hui, lợi dụng các hui viên không đến tham gia bỏ thăm hót hui và không kiểm soát những thành viên tham gia chơi hui, từ đó bị cáo đã dùng thủ đoạn đưa không một số tên người chơi hui và tự bỏ thăm trúng hui cho các tên không này, rồi tự hót hui chiếm đoạt luôn những khoản tiền của các thành viên trong dây hui đã đóng tiền hui cho bị cáo. Ngày 25/5/2019 âm lịch, bị cáo L bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 20/8/2019, Công an huyện Phong Điền đã ra thông báo truy tìm. Ngày 21/8/2019, Công an huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ phát hiện bị cáo L tại xã Định A, huyện Gò Qu, tỉnh Kiên Giang, nên dẫn giải về địa phương, sau đó ngày 02/3/2020 tiến hành bắt tạm giam bị cáo. Kết quả điều tra đã xác định bị cáo L chiếm đoạt của 43 người bị hại tổng số tiền là 1.176.430.000đ. Ngoài ra,

bị cáo L còn phải hoàn trả cho các hội viên đã đóng hội nhưng chưa hót là 417.870.000đ; đồng thời xác định có 12 hội viên còn nợ bị cáo 81.460.000đ tiền đã hót hội nhưng chưa đóng cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trương Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị hại yêu cầu tăng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trương Thị L:

Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội qua việc tổ chức các dây hội từ năm 2017 đến tháng 5/2019. Trong thời gian này bị cáo đã dùng thủ đoạn chủ động đưa không tên người tham gia chơi hội vào danh sách các dây hội do bị cáo làm chủ cùng với những người chơi hội có thực, bị cáo tự bỏ thăm trúng hội cho các tên không nêu trên, nhằm chiếm đoạt số tiền của các thành viên có thực trong dây hội đã đóng tiền cho bị cáo. Sau đó bị cáo bỏ trốn, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về kinh tế cho các bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc để đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như công tác phòng ngừa đấu tranh chung đối với loại tội phạm này.

Tuy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động con của bị cáo bồi thường cho 6 bị hại với số tiền 36.590.000đ, nộp 30.000.000đ đồng để khắc phục hậu quả và được một số bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Nhưng với tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù là quá nhẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng hình phạt cho bị cáo.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo Trương Thị L là người cao tuổi, bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[3.2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị hại kháng cáo không phải chịu.

[3.3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[3.3.1] Bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Khánh Ng, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Kim D, bà Đỗ Thị Tuyết L, bà Hứa K, bà Võ Thị Ngọc K, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị B Ph, bà Lý Thị Ngọc Tr, bà Lê Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Thị H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[3.3.2] Bà Bùi Thị N, bà Lê Kim Th, bà Trương Thị D, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thu B, bà Nguyễn Thị Ng, bà Trương Thị A, bà Trần Thị Ngọc H, bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Đặng Thị Huệ E là người cao tuổi có ý kiến xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của đại diện theo ủy quyền và những người bị hại về phần dân sự. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự bị kháng cáo, nhưng đã rút kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 25/12/2020.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại; Sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt.

3. Tuyên bố bị cáo Trương Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Trương Thị L 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2020.

4. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị cáo Trương Thị L là người cao tuổi, bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đề nghị được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5.2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị hại kháng cáo không phải chịu.

5.3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

5.3.1. Bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Nguyễn Thị Khánh Ng, bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Kim D, bà Đỗ Thị Tuyết L, bà Hứa K, bà Võ Thị Ngọc K, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị B Ph, bà Lý Thị Ngọc Tr, bà Lê Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị B, bà Thị H, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Hồng A mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5.3.2. Bà Bùi Thị N, bà Lê Kim Th, bà Trương Thị D, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thu B, bà Nguyễn Thị Ng, bà Trương Thị A, bà Trần Thị Ngọc H,

bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị Hồng V, bà Đặng Thị Huệ E được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Cần Thơ; (1)
- VKSND TP Cần Thơ; (1)
- Công an TP Cần Thơ; (1)
- Sở Tư pháp TP Cần Thơ; (1)
- Cục THADS TP Cần Thơ; (1)
- Trại tạm giam Công an TP Cần Thơ (1 để tổng đạt cho bị cáo); (2)
- Bị hại; (29)
- ĐDHP của bị hại; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huỳnh